

3. KHOA VẬT LÝ – VẬT LÝ KỸ THUẬT

I. CÁC KẾT QUẢ KHẢO SÁT LIÊN QUAN ĐẾN ĐƠN VỊ

1. Về hoạt động khảo sát

- **Đối tượng khảo sát:** Sinh viên năm cuối; Cựu sinh viên; Giảng viên giảng dạy các CTĐT của khoa; Đơn vị sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp của khoa.
- **Đơn vị thực hiện khảo sát:** Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
- **Đơn vị tổng hợp kết quả khảo sát:** Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

2. Tóm tắt các kết quả khảo sát hài lòng các bên liên quan

a) Khảo sát giảng viên về chương trình đào tạo

STT	Nội dung khảo sát	Vật lý- VLKT		Hải dương học	
		Tỉ lệ hài lòng (%)	ĐTB	Tỉ lệ hài lòng (%)	ĐTB
1	Về chương trình đào tạo (CTĐT)	85.42	4.1	100	4.67
2	Về CDR của CTĐT	85.42	4.15	100	4.83
3	Về chất lượng đào tạo của trường	87.5	4.1	100	4.33
4	Về cơ sở vật chất phục vụ dạy và học	60.42	3.58	50	3.5
5	Về công tác thư viện	83.33	4.1	73.3	4.17
6	Về công tác tổ chức đào tạo	91.67	4.25	100	4.67
7	Về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng	95.83	4.46	100	4.83
8	Về công tác nghiên cứu khoa học	93.75	4.27	83.3	4.33
9	Về công tác đối ngoại	87.5	4.17	100	4.33
10	Về công tác kết nối và phục vụ cộng đồng	77.08	3.98	83.3	3.83
11	Về công tác hành chính cấp trường	85.42	4.08	83.3	4.17
12	Về công tác hành chính cấp khoa	91.67	4.29	100	4.83

- Điểm mạnh

Trong năm học 2024–2025, mức độ hài lòng của giảng viên đối với CTĐT ở cả hai ngành Vật lý – VLKT và Hải dương học đều cho thấy sự cải thiện đáng kể so với học kỳ trước. Cụ thể, ngành Hải dương học đạt tỉ lệ hài lòng 100% ở hầu hết các nội dung khảo sát, với điểm trung bình tăng rõ rệt ở nhiều tiêu chí như: CTĐT (từ 4.31 lên 4.67), chất lượng đào tạo của trường (từ 3.90 lên 4.33), và công tác thư viện (từ 4.11 lên 4.17). Điều này cho thấy CTĐT đã có những điều chỉnh tích cực, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và năng lực người học, đồng thời thể hiện sự hài lòng cao của giảng viên về tổ chức và quản lý đào tạo.

Đối với ngành Vật lý – VLKT, tuy mức tăng không lớn như ngành Hải dương học, nhưng cũng ghi nhận sự cải thiện ở nhiều khía cạnh. Đặc biệt, điểm đánh giá về công tác thư viện tăng mạnh từ 3.63 lên 4.1 và cơ sở vật chất tăng từ 3.36 lên 3.58. Đây là những tín hiệu tích cực cho thấy sự đầu tư của nhà trường đã bắt đầu mang lại hiệu quả đối với hoạt động dạy – học của giảng viên.

- Điểm cần cải thiện

Mặc dù có nhiều cải thiện, vẫn còn một số vấn đề tồn tại cần tiếp tục được quan tâm. Đáng chú ý, ngành Vật lý – VLKT vẫn có mức điểm trung bình thấp ở nội dung cơ sở vật chất phục vụ

dạy và học, chỉ đạt 3.58, dù có tăng so với kỳ trước nhưng vẫn nằm dưới ngưỡng 4.0. Điều này cho thấy điều kiện giảng dạy và học tập chưa thực sự đáp ứng tốt nhu cầu, cần tiếp tục đầu tư nâng cấp trang thiết bị, phòng học, phòng thí nghiệm,... Ngoài ra, một số nội dung mới trong khảo sát năm học này như công tác kết nối với cộng đồng (đạt 3.98 với ngành Vật lý – VLKT) và công tác hành chính cấp khoa/trường vẫn có tiềm năng cải thiện hơn nữa để nâng cao hiệu quả hỗ trợ giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu.

b) Khảo sát Doanh nghiệp

STT	Nội dung khảo sát	Vật lý - VLKT		Hải dương học	
		Tỉ lệ hài lòng (%)	ĐTB	Tỉ lệ hài lòng (%)	ĐTB
1	Về kiến thức chuyên môn	90	4	75	4.25
2	Về sự thích ứng với công việc	80	4	75	3.88
3	Về trách nhiệm và sự cầu tiến	90	4.1	62.5	3.88
4	Về sự chấp hành nội quy/quy định	80	4.1	75	4.13
5	Về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	10	2.8	37.5	3.38
6	Về kỹ năng sử dụng CNTT	90	4	87.5	4.38
7	Về kỹ năng làm việc nhóm	60	3.6	50	3.63
8	Về kỹ năng giải quyết vấn đề	60	3.7	75	3.88
9	Đánh giá chung về các nhân sự được trường đào tạo	80	4	87.5	4.25

- Điểm mạnh

Sinh viên được đánh giá cao về kiến thức chuyên môn với tỉ lệ hài lòng đạt 90% ở ngành Vật lý - VLKT và 75% ở ngành Hải dương học, cho thấy CTĐT đã trang bị tốt nền tảng lý thuyết và kiến thức chuyên ngành. Bên cạnh đó, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin là một điểm mạnh rõ rệt, đặc biệt sinh viên ngành Hải dương học đạt tỉ lệ hài lòng lên đến 87.5% với điểm trung bình 4.38 – cao nhất trong toàn bộ các nội dung khảo sát. Doanh nghiệp cũng đánh giá tích cực về tinh thần trách nhiệm, sự cầu tiến và ý thức tuân thủ nội quy của sinh viên, đặc biệt ở nhóm ngành Vật lý - VLKT với điểm trung bình 4.1 ở cả hai tiêu chí này. Cuối cùng, mức độ hài lòng tổng thể của doanh nghiệp đối với sinh viên do nhà trường đào tạo đạt trên 80%, thể hiện sự tin tưởng chung vào chất lượng nguồn nhân lực được cung cấp.

- Điểm cần cải thiện

Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, với tỉ lệ hài lòng rất thấp – chỉ 10% ở ngành Vật lý - VLKT và 37.5% ở ngành Hải dương học, kèm theo điểm trung bình chỉ đạt khoảng 2.8 – 3.38. Đây là hạn chế lớn, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế và yêu cầu công việc ngày càng cao về ngoại ngữ. Bên cạnh đó, kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề cũng chưa đáp ứng được kỳ vọng của doanh nghiệp. Tỉ lệ hài lòng ở các nội dung này chỉ từ 50% đến 60%, cho thấy cần tăng cường các hoạt động rèn luyện kỹ năng mềm trong CTĐT. Ngoài ra, khả năng thích ứng với công việc thực tế cũng chưa thật sự nổi bật, với điểm trung bình dưới 4.0 ở cả hai nhóm ngành. Những kết quả này cho thấy nhà trường cần tập trung cải thiện các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho sinh viên, đặc

biệt là thông qua các hoạt động thực hành, trải nghiệm thực tế, tăng cường giảng dạy ngoại ngữ và xây dựng môi trường học tập tích hợp kỹ năng.

c) Khảo sát Cựu sinh viên

- Về tình hình việc làm của cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp 1 năm

Ngành	Đã có việc làm toàn thời gian (%)	Đang tự tạo việc làm (%)	Đang làm việc bán thời gian (%)	Chưa có việc làm (%)
Hải dương học	79.17	8.33	4.17	8.33
Kỹ thuật hạt nhân	76.19	4.76	9.52	9.52
Vật lý học	76.47	5.88	1.47	16.18

- Tổng quan hài lòng của cựu sinh viên về nhà trường sau khi ra trường.

STT	Nội dung đánh giá	Hải dương học		Kỹ thuật hạt nhân		Vật lý học	
		Tỉ lệ (%)	ĐTB	Tỉ lệ (%)	ĐTB	Tỉ lệ (%)	ĐTB
1	Về các kiến thức được trang bị ở nhà trường	91.67	3.83	85.71	3.71	79.41	3.63
2	Về các kỹ năng đã được học ở trường	95.83	3.92	80.95	3.71	73.53	3.47
3	Về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ của cá nhân	45.83	2.92	37.86	2.76	54.41	3.1
4	Về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của cá nhân	83.33	3.67	80.95	3.6	76.47	3.5
5	Về kỹ năng giải quyết vấn đề của cá nhân	75.00	3.5	76.19	3.5	73.53	3.47
6	Về kỹ năng làm việc nhóm của cá nhân	79.17	3.6	71.43	3.4	75.00	3.5
7	Về cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu của trường	54.17	3.1	71.43	3.4	55.88	3.1
8	Về CDR của trường	87.50	3.75	80.95	3.6	73.53	3.47
9	Về năng lực và phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên	91.67	3.8	90.48	4	79.41	3.5
10	Đánh giá chung về chất lượng đào tạo của trường	83.33	3.6	80.95	3.61	73.53	3.47
11	Đánh giá mức độ thích ứng giữa chuyên môn được đào tạo với công việc hiện tại	72.73	3.45	68.42	3.4	66.67	3.3
12	Đánh giá chung về sự hài lòng với công việc hiện tại	86.36	3.72	68.42	3.4	80.70	3.6

- Điểm mạnh

Tỉ lệ hài lòng về kiến thức chuyên môn được trang bị rất cao: Hải dương học đạt 91.67% (ĐTB 3.83), Kỹ thuật hạt nhân 85.71% (ĐTB 3.71) và Vật lý học 79.41% (ĐTB 3.63). Tương tự, kỹ năng được học ở trường cũng nhận được phản hồi tích cực với mức hài lòng lên đến 95.83% (ĐTB 3.92) ở Hải dương học và 80.95% (ĐTB 3.71) ở Kỹ thuật hạt nhân.

Đặc biệt, đội ngũ giảng viên được đánh giá cao về năng lực và phương pháp giảng dạy: Kỹ thuật hạt nhân đạt 90.48% hài lòng (ĐTB 4.0), Hải dương học 91.67% (ĐTB 3.92), khẳng định vai trò quan trọng của giảng viên trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Ngoài ra, mức độ hài lòng chung khi sinh viên tốt nghiệp đối với chất lượng đào tạo của trường cũng khá tích cực: 83.33% ở Hải dương học (ĐTB 3.6) và 80.95% ở Kỹ thuật hạt nhân (ĐTB 3.61).

- *Điểm cần cải thiện:*

Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ là điểm yếu chung của cả ba ngành, với tỉ lệ hài lòng chỉ 45.83% (ĐTB 2.92) ở Hải dương học, 37.86% (ĐTB 2.76) ở Kỹ thuật hạt nhân và 54.41% (ĐTB 3.1) ở Vật lý học. Bên cạnh đó, các kỹ năng mềm như làm việc nhóm và giải quyết vấn đề cá nhân vẫn còn hạn chế: ngành Vật lý học chỉ đạt 73.53% hài lòng (ĐTB 3.5) về làm việc nhóm và 73.53% (ĐTB 3.47) về giải quyết vấn đề. Một điểm đáng chú ý khác là mức hài lòng về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu còn thấp: Hải dương học chỉ đạt 54.17% (ĐTB 3.1) và Vật lý học 55.88% (ĐTB 3.1). Ngoài ra, khả năng thích ứng giữa đào tạo và công việc hiện tại cũng ở mức trung bình: ngành Vật lý học đạt 66.67% hài lòng (ĐTB 3.3), Kỹ thuật hạt nhân 68.42% (ĐTB 3.24), cho thấy cần có sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa CTĐT và thực tiễn nghề nghiệp.

d) Khảo sát sinh viên năm cuối

STT	Nội dung khảo sát	Vật lý- VLKT		Hải dương học	
		Tỉ lệ (%)	ĐTB	Tỉ lệ (%)	ĐTB
1	Về chương trình đào tạo (CTĐT)	84.3	4.23	87.5	4.13
2	Về CDR của CTĐT	87.83	4.26	87.5	4.13
3	Về đội ngũ Giảng viên	86.96	4.29	100	4.75
4	Về cơ sở vật chất phục vụ dạy và học	73.91	4	87.5	3.88
5	Về công tác thư viện	84.35	4.23	75	3.88
6	Về công tác tổ chức đào tạo	86.96	4.32	87.5	4
7	Về công tác khảo thí và ĐBCL	87.83	4.31	75	4
8	Về công tác nghiên cứu khoa học	82.61	4.26	87.5	4.25
9	Về công tác sinh viên	83.48	4.22	87.5	4
10	Về Đoàn hội	71.3	3.96	62.5	3.63
11	Về chăm sóc y tế, sức khỏe tinh thần	82.61	4.23	75	3.88
12	Về công tác hỗ trợ cấp khoa	86.09	4.29	75	3.88
13	Về kiến thức chuyên môn được nhà trường đào tạo	82.61	4.23	75	3.88
14	Về các kỹ năng được nhà trường đào tạo	85.22	4.25	75	3.88
15	Về các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	75.65	4.14	87.5	4

- *Điểm mạnh*

Cả hai nhóm ngành Vật lý - VLKT và Hải dương học đều đánh giá rất cao chất lượng giảng viên, với tỉ lệ hài lòng lần lượt là 86.96% và 100%, cùng điểm trung bình đạt 4.29 và 4.75. Điều này cho thấy sinh viên đánh giá cao về chuyên môn, thái độ giảng dạy và sự hỗ trợ mà giảng viên mang lại trong quá trình học tập. Ngoài ra, CTĐT và CDR cũng là một trong những nội dung được đánh giá tích cực. Nhóm ngành Vật lý - VLKT có tỉ lệ hài lòng trên 84%, trong khi nhóm ngành Hải

duyệt học đạt 87.5%, với điểm trung bình khoảng 4.13 – 4.26. Công tác tổ chức thi, kiểm định chất lượng, hoạt động nghiên cứu khoa học và công tác sinh viên cũng được đánh giá tốt, với điểm trung bình dao động từ 4.0 trở lên. Đặc biệt, nội dung nghiên cứu khoa học trong nhóm Hải dương học đạt 87.5% hài lòng và điểm trung bình 4.25 – là một tín hiệu tích cực về tinh thần học thuật trong sinh viên.

- *Điểm cần cải thiện*

Trước hết là cơ sở vật chất phục vụ dạy và học. Mặc dù nhóm Hải dương học có tỉ lệ hài lòng 87.5%, điểm trung bình chỉ ở mức 3.88, còn nhóm Vật lý - VLKT chỉ đạt 73.91% hài lòng, cho thấy còn tồn tại hạn chế về điều kiện học tập, trang thiết bị hoặc phòng thí nghiệm. Bên cạnh đó, hoạt động chăm sóc sức khỏe tinh thần và công tác Đoàn – Hội là những nội dung có tỉ lệ hài lòng thấp nhất. Cụ thể, nhóm Vật lý - VLKT chỉ đạt khoảng 71.3% hài lòng và điểm trung bình dưới 3.7; nhóm Hải dương học thậm chí còn thấp hơn với 62.5% hài lòng. Ngoài ra, hoạt động thư viện, hỗ trợ từ cấp khoa và việc trang bị kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ cho sinh viên cũng chưa được đánh giá cao. Tỉ lệ hài lòng ở các nội dung này chủ yếu quanh mức 75% và điểm trung bình từ 3.8 đến 4.0. Điều này cho thấy nhu cầu tăng cường đầu tư và cải tiến các hoạt động hỗ trợ sinh viên là rất cần thiết, nhất là trong bối cảnh sinh viên ngày càng quan tâm đến kỹ năng toàn diện và khả năng hội nhập quốc tế sau tốt nghiệp.

e) Khảo sát sinh viên đánh giá môn học và giảng viên

- HK2/2023-2024 (ĐA+CQ):

TT	Nội dung khảo sát	Tỉ lệ hài lòng (%)					
		Vật lý học (CQ)	Vật lý học hệ DKD	Hải dương học	Kỹ thuật hạt nhân	Vật lý y khoa	CN Vật lý điện tử và tin học
1	Về môn học lý thuyết	88.75	77.78	90.45	90.16	89.45	89.15
2	Về môn học thực hành	91.39	88.89	83.33	97.06	93.33	89.80
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	88.75	77.78	90.45	89.26	88.79	88.84
4	Về GV dạy môn học thực hành	89.74	83.33	83.33	97.06	93.33	89.80
5	Về khả năng đạt CDR của môn học LT	88.11	75	89.55	90.16	86.37	86.16
6	Về khả năng đạt CDR của môn học TH	91.06	77.78	83.33	94.12	91.11	91.84

- *Về những điều chưa hài lòng của sinh viên:*

Sinh viên ngành Vật lý học và Vật lý y khoa phản ánh nhiều bất cập về cơ sở vật chất như phòng học nóng, thiếu máy lạnh, wifi yếu, bảng viết và thiết bị giảng dạy kém chất lượng. Thư viện nhỏ, ít tài liệu, thái độ nhân viên chưa thân thiện. Nhà vệ sinh không sạch, thiếu xà phòng. Một số giảng viên dạy nhanh, khó hiểu, thiếu thực tiễn; thực hành thiếu hướng dẫn.

Ngành Kỹ thuật hạt nhân ghi nhận mong muốn cải thiện CSVC tại cơ sở Linh Trung, wifi chưa ổn định, phòng học nóng. Có đánh giá tích cực về một số giảng viên tận tâm, nhưng cũng có góp ý về việc dạy thiếu hiệu quả và tổ chức thi không nhất quán.

Ngành Hải dương học gặp vấn đề tương tự về CSVC, thư viện đóng cửa sớm. Giảng dạy bị chê là khô khan, thiếu minh họa, nhưng thực tập thực tế được đánh giá cao.

Ngành Công nghệ Vật lý điện tử và Tin học sinh viên chưa hài lòng về chương trình học thiên về lý thuyết, tài liệu lạc hậu, thiếu tương tác. Thiết bị thực hành cũ, wifi yếu. Tổ chức thi còn bất cập như máy tính lỗi, đề thi mơ hồ, gây áp lực.

- Điểm mạnh

Nhiều ngành đạt tỉ lệ hài lòng cao, đặc biệt là ngành Kỹ thuật hạt nhân và Công nghệ Vật lý điện tử và Tin học. Cụ thể, sinh viên đánh giá cao Về khả năng đạt CĐR của môn học TH và sự hài lòng với giảng viên giảng dạy lý thuyết. Các ngành này đều có tỉ lệ hài lòng trên 90% ở nhiều tiêu chí, cho thấy chất lượng giảng dạy và hiệu quả học tập được đảm bảo. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên được sinh viên đánh giá tích cực về khả năng truyền đạt, kiến thức chuyên môn và sự hỗ trợ trong học tập.

- Điểm cần cải thiện

Một số ngành như Vật lý học, Vật lý y khoa và Hải dương học còn gặp nhiều hạn chế về cơ sở vật chất, bao gồm phòng học nóng, thiếu máy lạnh, wifi yếu, thiết bị dạy học chưa đảm bảo và không gian sinh hoạt chưa đáp ứng nhu cầu học tập. Bên cạnh đó, chương trình học của một số môn lý thuyết bị phản ánh là còn nặng, giảng viên giảng nhanh, thiếu minh họa và chưa gắn với thực tiễn, đặc biệt trong các ngành Vật lý học và Hải dương học. Tỉ lệ hài lòng ở một số tiêu chí như khả năng đạt CĐR môn học lý thuyết cũng còn thấp, chỉ khoảng 70–75% ở một số ngành. Những vấn đề này cần được quan tâm, điều chỉnh để nâng cao chất lượng đào tạo và trải nghiệm học tập của sinh viên.

- HK1/2024-2025 (ĐA+CQ):

TT	Khảo sát sinh viên đánh giá môn học và giảng viên	Tỉ lệ hài lòng (%)					
		Vật lý học (CQ)	Vật lý học hệ DKD	Hải dương học	Kỹ thuật hạt nhân	Vật lý y khoa	CN Vật lý điện tử và tin học
1	Về môn học lý thuyết	89.29	84.33	88.95	90.13	89.63	87.19
2	Về môn học thực hành	91.29	88.37	77.78	92.54	85.98	50
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	89.31	86.64	87.38	91.04	89.9	88.42
4	Về GV dạy môn học thực hành	90.94	86.05	73.33	94.03	84.76	50
5	Về khả năng đạt CĐR của môn học LT	87.9	82.49	86.98	90.68	88.24	86.32
6	Về khả năng đạt CĐR của môn học TH	90.42	86.05	77.78	91.04	85.98	50

- Về những điều chưa hài lòng của sinh viên:

Ngành Vật lý hiện gặp nhiều vấn đề về cơ sở vật chất như khu vực gửi xe khá chật chội, thái độ của nhân viên giữ xe chưa tốt và nhà vệ sinh cần được cải thiện, nâng cấp. Wifi của trường yếu, ảnh hưởng đến việc học tập, cần được cải thiện đường truyền. Thư viện cũng bị đánh giá là nhỏ, ít tài liệu và không gian học tập chưa đáp ứng được nhu cầu sinh viên.

Ngành Vật lý y khoa cũng gặp các vấn đề tương tự như khu vực gửi xe chật chội, wifi yếu và thư viện ít tài liệu. Ngoài ra, sinh viên ngành này bày tỏ mong muốn được học trong các phòng học có máy lạnh để cải thiện điều kiện học tập.

Ngành Kỹ thuật hạt nhân có điểm cần cải thiện chính là chất lượng wifi, do đường truyền còn yếu. Bên cạnh đó, thiết bị giảng dạy như âm thanh, máy chiếu tại các phòng học cũng chưa đảm bảo chất lượng, ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy.

Ngành Hải dương học bị phản ánh nhiều về cơ sở vật chất với khu gửi xe chật, wifi yếu, thư viện ít tài liệu và chưa đáp ứng nhu cầu học tập. Thái độ của nhân viên giữ xe cũng bị đánh giá chưa tốt, gây khó chịu cho sinh viên.

Ngành Công nghệ Vật lý điện tử và Tin học cũng đối mặt với nhiều bất cập, đặc biệt là khu gửi xe chật, cần được nâng cấp. Wifi yếu không đáp ứng nhu cầu học tập, nhà vệ sinh cần được cải thiện và thái độ nhân viên giữ xe chưa tốt cũng là một vấn đề đáng lưu ý

- Điểm mạnh

Ngành Kỹ thuật hạt nhân tiếp tục ghi nhận tỉ lệ hài lòng rất cao ở hầu hết các tiêu chí, với mức độ hài lòng Về GV dạy môn học lý thuyết và thực hành đều trên 90%. Đây cũng là ngành có tỉ lệ sinh viên đánh giá cao khả năng đạt CDR của môn học. Ngoài ra, ngành Hải dương học và Vật lý học chương trình tăng cường tiếng anh cũng có tỉ lệ hài lòng cao ở các tiêu chí liên quan đến giảng viên và chương trình thực hành, cho thấy sự cải thiện nhất định về chất lượng đào tạo.

- Điểm cần cải thiện

Ngành Vật lý học và Vật lý y khoa được sinh viên phản ánh có nhiều vấn đề về không gian học tập như khu vực gửi xe chật chội, wifi yếu, thiết bị giảng dạy kém chất lượng, và phòng học nóng. Nhà vệ sinh chưa đạt yêu cầu, thư viện nhỏ, ít tài liệu và không đáp ứng được nhu cầu học tập. Tình trạng tương tự cũng được ghi nhận ở ngành Hải dương học, với thư viện, wifi và cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu của sinh viên. Đây là thực trạng chung mà nhà trường còn chưa cải thiện được

Đáng chú ý, ngành Công nghệ Vật lý điện tử và Tin học có tỉ lệ hài lòng thấp nhất trong tất cả các ngành khảo sát, với nhiều tiêu chí chỉ đạt khoảng 50%, phản ánh sự bất cập cả Về chương trình đào tạo (CTĐT) lẫn cơ sở hạ tầng và phương pháp giảng dạy. Những vấn đề này cần được các đơn vị liên quan quan tâm khắc phục để nâng cao chất lượng giảng dạy và môi trường học tập cho sinh viên.

f) Tóm tắt các ý kiến góp ý chính liên quan đến khảo sát các đối tượng :

- *Về chương trình đào tạo (CTĐT)*: Giảng viên và sinh viên năm cuối đều đánh giá CTĐT khá tốt, với tỉ lệ hài lòng cao (trên 84%). CTĐT được điều chỉnh ngày càng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, một số sinh viên phản ánh CTĐT còn nặng lý thuyết, thiếu tính ứng dụng, tài liệu học tập lạc hậu. Cựu sinh viên cho thấy CTĐT chưa thật sự gắn với công việc thực tế, thể hiện ở mức độ hài lòng trung bình về sự thích ứng với công việc sau tốt nghiệp.

- *Về giảng viên*: Sinh viên và cựu sinh viên đánh giá giảng viên có chuyên môn vững, thái độ hỗ trợ tốt và giảng dạy hiệu quả. Nhiều tiêu chí đạt mức hài lòng trên 90%. Một số sinh viên góp ý: một số giảng viên giảng nhanh, khó hiểu, thiếu minh họa thực tiễn hoặc chưa hỗ trợ tốt trong các môn thực hành.

- *Về môn học*: Sinh viên đánh giá cao khả năng đạt CDR môn học thực hành, tỉ lệ hài lòng thường trên 90%. Các môn học lý thuyết có tỉ lệ hài lòng thấp hơn, đặc biệt ở các ngành như Vật lý học và Hải dương học, do nội dung nặng, khó tiếp thu, chưa gắn thực tiễn. Thiếu tài liệu, cách thức tổ chức thi chưa nhất quán, đề thi mơ hồ cũng là vấn đề nổi bật.

- *Về CSVC*: Là điểm yếu chung được tất cả các nhóm khảo sát phản ánh. Các góp ý cụ thể gồm: phòng học nóng, thiếu máy lạnh, wifi yếu, bảng viết kém, nhà vệ sinh không sạch, thư viện nhỏ và thiếu tài liệu, thái độ nhân viên hỗ trợ chưa thân thiện. Mặc dù có cải thiện nhỏ theo thời gian, mức độ hài lòng về CSVC vẫn dưới mức mong đợi (chỉ đạt ~60–73%).

- *Về doanh nghiệp đánh giá SV*: Điểm mạnh: Sinh viên được đánh giá tốt về kiến thức chuyên môn, kỹ năng CNTT, tinh thần trách nhiệm và chấp hành quy định. Tuy nhiên, kỹ năng ngoại ngữ rất thấp: chỉ 10% hài lòng ở ngành Vật lý - VLKT và 37.5% ở Hải dương học. Đồng thời, kỹ năng mềm còn hạn chế, đặc biệt là làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Khả năng thích ứng với công việc thực tế chỉ ở mức trung bình.

3. Nhận định điểm mạnh và điểm cần cải thiện :

a) Điểm mạnh:

- Chất lượng giảng viên:

- + Đa số giảng viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm.
- + Nhiệt tình, có trách nhiệm và hỗ trợ sinh viên tốt trong quá trình học tập và nghiên cứu.
- + Giảng viên thường xuyên cập nhật kiến thức mới, áp dụng vào giảng dạy.

- CTĐT:

- + Được xây dựng phù hợp với CDR và đáp ứng yêu cầu cơ bản của thị trường lao động.
- + Có sự gắn kết giữa lý thuyết và thực hành, giúp sinh viên phát triển tư duy nghiên cứu và ứng dụng.

- Phản hồi tích cực từ cựu sinh viên và doanh nghiệp:

- + Cựu sinh viên đánh giá cao kiến thức nền tảng được đào tạo, đặc biệt trong các lĩnh vực vật lý ứng dụng, kỹ thuật hạt nhân, và công nghệ cao.

- + Doanh nghiệp nhận xét sinh viên có năng lực chuyên môn tốt, thái độ làm việc nghiêm túc, có khả năng học hỏi và thích nghi.
- Cơ hội nghiên cứu khoa học:
 - + Sinh viên được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học, làm khóa luận, đề tài thực tế.
 - + Khoa có các phòng thí nghiệm phục vụ cho thực hành và nghiên cứu chuyên sâu.

b) Điểm cần cải thiện

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị
 - + Một số phòng thí nghiệm còn thiếu thiết bị hiện đại, chưa đồng bộ.
 - + Cần đầu tư thêm thiết bị mới để đáp ứng yêu cầu thực hành và nghiên cứu, nhất là trong lĩnh vực vật lý ứng dụng và kỹ thuật hạt nhân.
- Kết nối doanh nghiệp và cơ hội thực tập
 - + Chưa có nhiều chương trình liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp để sinh viên được thực tập thực tế.
 - + Cần tăng cường mối quan hệ với các đơn vị sử dụng lao động để mở rộng đầu ra cho sinh viên.
- Nội dung đào tạo và kỹ năng mềm
 - + Một số sinh viên cho rằng chương trình học còn nặng về lý thuyết, thiếu các học phần phát triển kỹ năng mềm như: giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề.
 - + Cần lồng ghép kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình giảng dạy.
- Thông tin định hướng nghề nghiệp
 - + Sinh viên hiện tại và sinh viên năm cuối phản ánh còn thiếu thông tin định hướng nghề nghiệp cụ thể sau tốt nghiệp.
 - + Cần tăng cường các buổi tư vấn nghề nghiệp, kết nối cựu sinh viên chia sẻ kinh nghiệm, và giới thiệu cơ hội việc làm.

II. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

1. Kế hoạch đã thực hiện

- Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế, tạo cơ hội cho GV, SV tiếp cận với đối tác và các học bổng, cơ hội học tập có liên quan đến ngành khoa học tự nhiên;
- Tổ chức đánh giá và cập nhật thường xuyên CTĐT.
- Tham gia kiểm định chất lượng trong và ngoài nước (ngành Vật lý học và Hải dương học đã đạt kiểm định châu Âu ASIIN).
- Tham gia kiểm định cụm nhóm ngành Công nghệ vật lý điện tử và tin học, ngành Kỹ thuật hạt nhân và ngành Vật lý y khoa.
- Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo chuyên môn cho giảng viên nhằm cập nhật kiến thức mới và phương pháp giảng dạy hiện đại.

- Tăng cường đánh giá nội bộ về năng lực giảng dạy, từ đó điều chỉnh và phân công hợp lý.
- Cải tiến CTĐT: Lồng ghép các học phần thực hành và kỹ năng mềm vào CTĐT.
- Tổ chức “Tọa đàm doanh nghiệp” hàng năm để nhận các ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp tuyển dụng.
- Tổ chức các Hội thảo Khoa học để có thêm các kiến thức, buổi nói chuyện về các lĩnh vực Khoa học mới để giảng viên hiểu hơn về nhu cầu xã hội, cập nhật các kiến thức mới.
- Phối hợp cùng các trung tâm và Khoa của Trường tổ chức Ngày hội tuyển dụng để sinh viên có cơ hội tiếp cận với cơ hội nghề nghiệp thực tế ngoài xã hội.
- Tổ chức các lớp học tăng cường kỹ năng cho sinh viên
- Kỹ năng nghề nghiệp: tổ chức lớp học đổi mới sáng tạo cho sinh viên.
- Kỹ năng ngoại ngữ: Khóa học ôn luyện tiếng anh Vstep được tổ chức nhằm giúp sinh viên ôn luyện để có được chứng chỉ ngoại ngữ và tăng khả năng giao tiếp
- Tăng cường hỗ trợ học tập và nghiên cứu khoa học: Tổ chức các buổi hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, báo cáo, đề tài NCKH, tạo điều kiện và khuyến khích sinh viên tham gia các đề tài nghiên cứu cấp khoa và cấp trường.

2. Kế hoạch dự kiến thực hiện

- Cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị: Đề xuất đầu tư thêm máy lạnh, thiết bị âm thanh – hình ảnh (loa, micro, máy chiếu) cho các phòng học.
- Tăng cường định hướng nghề nghiệp và kết nối doanh nghiệp
 - + Phối hợp với phòng công tác sinh viên tổ chức hội thảo nghề nghiệp, mời cựu sinh viên và doanh nghiệp đến chia sẻ.
 - + Thiết lập kênh thông tin chính thức cập nhật cơ hội thực tập, việc làm cho sinh viên.
 - + Nghiên cứu hợp tác với các đơn vị đào tạo chứng chỉ sư phạm để có thêm cơ hội cho sinh viên ra trường làm công tác giáo dục
 - + Tiếp tục phối hợp cùng các trung tâm và Khoa của Trường tổ chức ngày hội tuyển dụng để sinh viên có cơ hội tiếp cận với cơ hội nghề nghiệp thực tế ngoài xã hội.
- Phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên
 - + Lồng ghép thêm các học phần kỹ năng mềm, kỹ năng trình bày, viết báo cáo khoa học vào CTĐT.
 - + Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn hoặc workshop kỹ năng thiết thực (viết email chuyên nghiệp, phỏng vấn, làm việc nhóm...).
 - + Tiếp tục kết hợp với các tổ chức đào tạo, cựu sinh viên để bổ sung các kiến thức và kỹ năng cho giảng viên.
 - + Mở lớp giảng dạy về tâm lý sinh viên và phương pháp ứng xử của giảng viên.

- + Tổ chức các buổi trao đổi giữa Ban chủ nhiệm và giảng viên của Khoa và sinh viên để hiểu rõ hơn mong muốn của sinh viên trong bối cảnh hiện nay.

III. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về cơ sở vật chất

- Đầu tư thêm máy lạnh, quạt, cải thiện hệ thống âm thanh, máy chiếu cho các phòng học, đặc biệt ở cơ sở Linh Trung.
- Nâng cấp wifi và đường truyền Internet tại các khu học tập, thư viện và phòng học.
- Cải tạo nhà vệ sinh (vệ sinh, mùi hôi, bổ sung xà phòng, khóa cửa...).
- Mở rộng, nâng cấp bãi giữ xe, thêm mái che, đảm bảo an toàn tài sản sinh viên.
- Cải thiện căn tin về chất lượng dịch vụ, vệ sinh và giá cả.

2. Về thư viện và tài liệu học tập

- Kiến nghị mở rộng thư viện cơ sở Linh Trung về diện tích, thời gian hoạt động và tài nguyên sách.
- Bổ sung thêm giáo trình chuyên ngành, tài liệu nước ngoài, và hướng dẫn rõ ràng hơn cách sử dụng thư viện điện tử.

3. Về kết nối doanh nghiệp và định hướng nghề nghiệp

- Thiết lập các kênh thông tin rõ ràng, cập nhật cơ hội việc làm, thực tập, kết nối doanh nghiệp với sinh viên.
- Tăng cường hoạt động tư vấn, hướng nghiệp từ cựu sinh viên, giảng viên, doanh nghiệp.
- Xây dựng chương trình bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo (leadership) cho sinh viên các năm.

4. Về quản lý và công tác hành chính

- Cải tiến các thủ tục hành chính, đảm bảo nhanh chóng, minh bạch và hỗ trợ tốt hơn cho giảng viên và sinh viên.
- Đề nghị xem xét bố trí thêm phòng làm việc tại các cơ sở cho một số ngành chưa có không gian làm việc phù hợp (như Hải dương học).